

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:157/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28/12/2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thật;

2. Ông Nguyễn Thanh Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 348/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ng V C, sinh năm: 1970. Địa chỉ: ấp A, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (có mặt);

2. Bị đơn: Ng Th B, sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp A, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 11/7/2017, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Ng V C trình bày:***

Anh và chị Ng Th B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2002. Quá trình chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Ng V Th, sinh năm 1992 và Ng Th T, sinh năm 1997. Sau khi cưới vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ không tôn trọng anh, nên cự cãi thường xuyên. Năm 2016 anh có nộp đơn xin ly hôn chị Ng Th B một lần nhưng bị Tòa án bác đơn để cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng từ đó cho đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn lại được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho anh ly hôn với chị Ng Th B;

- Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết;

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy khai sinh con, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị Bả Vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh Ng V C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Xét anh Ng V C yêu cầu được ly hôn với chị Ng Th B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy của Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn Ng Th B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu các bên đương sự: Tại phiên anh Ng V C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Ng V C và chị Ng Th B chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc. vợ chồng đã ly thân. Anh Ng V C đã nộp đơn xin ly hôn một lần nhưng không được Tòa án chấp nhận, từ đó đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm với nhau. Tại phiên tòa anh Ng V C cương quyết ly hôn với chị Ng Th B. Chị Ng Th B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ng V C.

[2] Về con chung: Không xem xét

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét

[4] Về án phí: Anh Ng V C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ng V C

1. Về hôn nhân: Cho anh Ng V C được ly hôn với chị Ng Th B;

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét;

3. Về án phí: Anh Ng V C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14758 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên anh Ng V C đã nộp xong án phí;

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ng V C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ng Th B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG;
- VKSND.CL;
- THADS.CL;
- UBND xã Long Trung;
- Các Đ/S;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc